Danh sách biên chế tiểu đội : 37 Trung đội :13

Trung đội trưởng:

Tiểu đội trưởng : **Phòng ở:** 110+109+108+107 **C8**

STT	mã tt	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Nội dung sửa	số đt cá nhân		chữ ký
1	772	CĐCNO210129	Lù Văn	Khánh	07/03/2003	CĐCNO2101	Nam	**CĐN KT&NV**	**107 - C8**	
2	773	CĐCNO220080	Trương văn	Bảo	23/12/2004	CĐCNO2201	Nam	**CĐN KT&NV**		
3	774	CĐCNO220094	Nguyễn Hữu	Chiến	23/08/2004	CĐCNO2201	Nam	**CĐN KT&NV**		
4	775	CĐCNO220126	Trần Đức	Duy	18/01/2004	CĐCNO2201	Nam	**CĐN KT&NV**		
5	776	CĐCNO220055	Phạm Bình	Dương	20/10/2004	CĐCNO2201	Nam	**CĐN KT&NV**		
6	777	CĐCNO220044	Dương Văn	Giáp	16/10/2004	CĐCNO2201	Nam	**CĐN KT&NV**		
7	778	CĐCNO220050	Nguyễn Đình	Hải	10/02/2004	CĐCNO2201	Nam	**CĐN KT&NV**		
8	779	CĐCNO220001	Trương Văn	Hiếu	21/03/2004	CĐCNO2201	Nam	**CĐN KT&NV**	**108 - C8**	
9	780	CĐCNO220161	Ngô Huy	Hoàng	18/11/2004	CĐCNO2201	Nam	**CĐN KT&NV**		
10	781	CĐCNO220058	Hoàng Quang	Huy	11/04/2004	CĐCNO2201	Nam	**CĐN KT&NV**		
11	782	CĐCNO220140	Trần Văn	Huy	12/07/2004	CĐCNO2201	Nam	**CĐN KT&NV**		
12	783	CĐCNO220144	Nguyễn Ngọc	Khánh	09/12/2004	CĐCNO2201	Nam	**CĐN KT&NV**		
13	784	CĐCNO220167	Nguyễn Đức	Lộc	21/05/2004	CĐCNO2201	Nam	**CĐN KT&NV**		
14	785	CĐCNO220099	Nguyễn Thành	Luân	14/08/2004	CĐCNO2201	Nam	**CĐN KT&NV**		
15	786	CĐCNO220114	Nguyễn Tiến	Mạnh	07/09/2004	CĐCNO2201	Nam	**CĐN KT&NV**	**109 - C8**	
16	787	CĐCNO220028	Hà Trọng Nhật	Minh	01/12/2004	CĐCNO2201	Nam	**CĐN KT&NV**		
17	788	CĐCNO220112	Lê Hoàng Tuấn	Ngọc	02/01/2003	CĐCNO2201	Nam	**CĐN KT&NV**		
18	789	CĐCNO220137	Nguyễn Hữu	Phú	01/12/2004	CĐCNO2201	Nam	**CĐN KT&NV**		
19	790	CĐCNO220038	Đỗ Minh	Quân	26/09/2004	CĐCNO2201	Nam	**CĐN KT&NV**		
20	791	CĐCNO220002	Bùi Duy	Quyền	01/02/2004	CĐCNO2201	Nam	**CĐN KT&NV**		
21	792	CĐCNO220095	Hồ Quang	Sáng	26/11/2004	CĐCNO2201	Nam	**CĐN KT&NV**		
22	793	CĐCNO220037	Nguyễn Cao	Tân	19/04/2004	CĐCNO2201	Nam	**CĐN KT&NV**	**110 - C8**	
23	794	CĐCNO220122	Nguyễn Đình	Tiến	03/09/2004	CĐCNO2201	Nam	**CĐN KT&NV**		
24	795	CĐCNO220009	Ma Công	Thuần	09/07/2004	CĐCNO2201	Nam	**CĐN KT&NV**		
25	796	CĐCNO220096	Đỗ Văn	Thức	21/01/2004	CĐCNO2201	Nam	**CĐN KT&NV**		
26	797	CĐCNO220039	Nguyễn Văn	Trường	15/11/2004	CĐCNO2201	Nam	**CĐN KT&NV**		
27	798	CĐCNO220160	Hà Quang	Anh	11/03/2004	CĐCNO2202	Nam	**CĐN KT&NV**		
28	799	CĐCNO220062	Lê Ngô Sĩ	Bảo	02/11/2004	CĐCNO2202	Nam	**CĐN KT&NV**		
29										
30										

Danh sách biên chế tiểu đội : 38 Trung đội :13

Trung đội trưởng:

Tiểu đội trưởng : **Phòng ở:** 106+105+104 **C8**

STT	mã tt	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Nội dung sửa	số đt cá nhân		chữ ký
1	800	CĐCNO220030	Ngân Tiến	Dũng	02/09/2004	CĐCNO2202	Nam	**CĐN KT&NV**	**104 - C8**	
2	801	CĐCNO220119	Hoàng Đức	Dương	15/12/2004	CĐCNO2202	Nam	**CĐN KT&NV**		
3	802	CĐCNO220079	Nguyễn Hải	Dương	28/12/2003	CĐCNO2202	Nam	**CĐN KT&NV**		
4	803	CĐCNO220048	Nguyễn Hoàng Thành	Đồng	13/01/2004	CĐCNO2202	Nam	**CĐN KT&NV**		
5	804	CĐCNO220036	Hà Văn	Giáp	18/03/2004	CĐCNO2202	Nam	**CĐN KT&NV**		
6	805	CĐCNO220131	Lê Kim Thanh	Giáp	15/12/2004	CĐCNO2202	Nam	**CĐN KT&NV**		
7	806	CĐCNO220091	Trần Duy	Hiển	27/01/2004	CĐCNO2202	Nam	**CĐN KT&NV**		
8	807	CĐCNO220057	Phạm Đức	Hiếu	21/05/2002	CĐCNO2202	Nam	**CĐN KT&NV**	**105 - C8**	
9	808	CĐCNO220146	Phan Phúc	Hưng	23/10/2003	CĐCNO2202	Nam	**CĐN KT&NV**		
10	809	CĐCNO220045	Vi Văn	Hưng	20/01/2004	CĐCNO2202	Nam	**CĐN KT&NV**		
11	810	CĐCNO220092	Lý Trọng	Khiêm	20/08/2004	CĐCNO2202	Nam	**CĐN KT&NV**		
12	811	CĐCNO220067	Nguyễn Thế	Lực	08/08/2004	CĐCNO2202	Nam	**CĐN KT&NV**		
13	812	CĐCNO220085	Lê Đức	Lương	21/10/2004	CĐCNO2202	Nam	**CĐN KT&NV**		
14	813	CĐCNO220063	Đinh Thanh	Phong	09/11/2004	CĐCNO2202	Nam	**CĐN KT&NV**		
15	814	CĐCNO220088	Bùi Văn	Quang	15/10/2003	CĐCNO2202	Nam	**CĐN KT&NV**	**106 - C8**	
16	815	CĐCNO220029	Hà Văn	Quyến	17/01/2004	CĐCNO2202	Nam	**CĐN KT&NV**		
17	816	CĐCNO220068	Trần Phạm Xuân	Quỳnh	07/12/2003	CĐCNO2202	Nam	**CĐN KT&NV**		
18	817	CĐCNO220012	Cao Đình	Tiến	24/10/2004	CĐCNO2202	Nam	**CĐN KT&NV**		
19	818	CĐCNO220027	Nguyễn Hồng	Tiến	20/09/2004	CĐCNO2202	Nam	**CĐN KT&NV**		
20	819	CĐCNO220106	Vũ Lê	Tiến	06/10/2004	CĐCNO2202	Nam	**CĐN KT&NV**		
21	820	CĐCNO220124	Hoàng Minh	Tuyên	23/04/2004	CĐCNO2202	Nam	**CĐN KT&NV**		
22	821	CĐCNO220147	Nguyễn Bảo	Trung	11/12/2003	CĐCNO2202	Nam	**CĐN KT&NV**		
23										
24										
25										
26										
27										
28										
29										
30										

Danh sách biên chế tiểu đội : 39 Trung đội :13

Trung đội trưởng:

Tiểu đội trưởng : **Phòng ở:** 103+102+101 **C8**

STT	mã tt	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Nội dung sửa	số đt cá nhân		chữ ký
1	822	CĐCNT220166	Nguyễn Duy	Anh	15/09/2003	CĐCNT2201	Nam	**CĐN KT&NV**	**101 - C8**	
2	823	CĐCNT220046	Lương Văn	Bình	17/07/2004	CĐCNT2201	Nam	**CĐN KT&NV**		
3	824	CĐCNT220105	Bùi Minh	Dũng	29/04/2004	CĐCNT2201	Nam	**CĐN KT&NV**		
4	825	CĐCNT220163	Lê Tiến	Dũng	19/08/2003	CĐCNT2201	Nam	**CĐN KT&NV**		
5	826	CĐCNT220104	Ngô Văn	Dương	10/08/2004	CĐCNT2201	Nam	**CĐN KT&NV**		
6	827	CĐCNT220125	Vũ Đại	Dương	22/08/2004	CĐCNT2201	Nam	**CĐN KT&NV**		
7	828	CĐCNT220111	Nguyễn Doãn	Đạt	26/09/2004	CĐCNT2201	Nam	**CĐN KT&NV**		
8	829	CĐCNT220164	Phan Trường	Giang	05/12/2004	CĐCNT2201	Nam	**CĐN KT&NV**	**102 - C8**	
9	830	CĐCNT220151	Ngô Trung	Hiếu	08/03/2004	CĐCNT2201	Nam	**CĐN KT&NV**		
10	831	CĐCNT220020	Ma Doãn	Hòa	12/01/2004	CĐCNT2201	Nam	**CĐN KT&NV**		
11	832	CĐCNT220071	Tiêu Xuân	Hoàng	15/08/2004	CĐCNT2201	Nam	**CĐN KT&NV**		
12	833	CĐCNT220103	Nguyễn Bá	Hợp	29/12/2004	CĐCNT2201	Nam	**CĐN KT&NV**		
13	834	CĐCNT220165	Doãn Minh	Hùng	16/06/2003	CĐCNT2201	Nam	**CĐN KT&NV**		
14	835	CĐCNT220077	Phạm Đức	Hùng	04/07/2004	CĐCNT2201	Nam	**CĐN KT&NV**		
15	838	CĐCNT220035	Hà Tuấn	Khiêm	05/10/2003	CĐCNT2201	Nam	**CĐN KT&NV**	**103 - C8**	
16	839	CĐCNT220047	Trần Văn	Linh	21/07/2003	CĐCNT2201	Nam	**CĐN KT&NV**		
17	840	CĐCNT220143	Lê Hồng	Sơn	09/01/2004	CĐCNT2201	Nam	**CĐN KT&NV**		
18	841	CĐCNT220053	Lê Ngọc	Tài	15/10/2004	CĐCNT2201	Nam	**CĐN KT&NV**		
19	842	CĐCNT220041	Trần Hữu	Tiến	06/09/2004	CĐCNT2201	Nam	**CĐN KT&NV**		
20	843	CĐCNT220022	Ma Đình	Tú	04/04/2004	CĐCNT2201	Nam	**CĐN KT&NV**		
21										
22										
23										
24										
25										
26										
27										
28										
29										
30										

Danh sách biên chế tiểu đội : 40 Trung đội :14

Trung đội trưởng:

Tiểu đội trưởng : **Phòng ở:** 203+204+205+206 **C8**

STT	mã tt	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Nội dung sửa	số đt cá nhân		chữ ký
1	844	CĐCNT220168	Lương Minh	Tường	24/06/2004	CĐCNT2201	Nam	**CĐN KT&NV**	**203 - C8**	
2	845	CĐCNT220008	Ma Công	Thành	09/07/2004	CĐCNT2201	Nam	**CĐN KT&NV**		
3	846	CĐCNT220021	Ma Văn	Trường	14/08/2004	CĐCNT2201	Nam	**CĐN KT&NV**		
4	847	CĐĐCN220082	Nguyễn Hải	Anh	27/07/2004	CĐĐCN2201	Nam	**CĐN KT&NV**		
5	848	CĐĐCN220043	Trương Đức	Anh	25/10/2004	CĐĐCN2201	Nam	**CĐN KT&NV**		
6	849	CĐĐCN220115	Nguyễn Văn	Chiến	02/08/2004	CĐĐCN2201	Nam	**CĐN KT&NV**		
7	850	CĐĐCN220118	Khúc Trí Tùng	Dương	16/10/2004	CĐĐCN2201	Nam	**CĐN KT&NV**		
8	851	CĐĐCN220024	Lương Việt	Hoàng	03/09/2004	CĐĐCN2201	Nam	**CĐN KT&NV**	**204 - C8**	
9	852	CĐĐCN220093	Phan Huy	Hoàng	19/12/2004	CĐĐCN2201	Nam	**CĐN KT&NV**		
10	853	CĐĐCN220159	Nguyễn Ngọc	Hùng	11/11/2004	CĐĐCN2201	Nam	**CĐN KT&NV**		
11	854	CĐĐCN220110	Nguyễn Thành	Kim	21/09/2003	CĐĐCN2201	Nam	**CĐN KT&NV**		
12	855	CĐĐCN220042	Phạm Quốc	Khánh	24/03/2004	CĐĐCN2201	Nam	**CĐN KT&NV**		
13	856	CĐĐCN220150	Hoàng Nhật	Long	21/07/2004	CĐĐCN2201	Nam	**CĐN KT&NV**		
14	857	CĐĐCN220087	Hà Văn	Nhật	21/06/2004	CĐĐCN2201	Nam	**CĐN KT&NV**		
15	858	CĐĐCN220025	Đỗ Đức	Quân	01/10/2004	CĐĐCN2201	Nam	**CĐN KT&NV**	**205 - C8**	
16	859	CĐĐCN220098	Phan Hoàng	Quân	22/06/2004	CĐĐCN2201	Nam	**CĐN KT&NV**		
17	860	CĐĐCN220135	Nguyễn Văn	Quyền	25/12/2004	CĐĐCN2201	Nam	**CĐN KT&NV**		
18	861	CĐĐCN220034	Vi Văn	Quyến	19/08/2004	CĐĐCN2201	Nam	**CĐN KT&NV**		
19	862	CĐĐCN220004	Nguyễn Văn	Quyết	06/06/2003	CĐĐCN2201	Nam	**CĐN KT&NV**		
20	863	CĐĐCN220013	Nguyễn Minh	Tư	23/03/2002	CĐĐCN2201	Nam	**CĐN KT&NV**		
21	864	CĐĐCN220130	Đặng Thế	Thái	27/07/2004	CĐĐCN2201	Nam	**CĐN KT&NV**		
22	865	CĐĐCN220136	Bùi Văn	Thiết	25/08/2004	CĐĐCN2201	Nam	**CĐN KT&NV**	**206 - C8**	
23	866	CĐĐCN220127	Lường Đức	Thịnh	15/08/2001	CĐĐCN2201	Nam	**CĐN KT&NV**		
24	867	CĐĐCN220075	Nguyễn Trung	Thực	22/12/2004	CĐĐCN2201	Nam	**CĐN KT&NV**		
25	868	CĐĐCN220066	Lưu Thiên	Vương	24/08/2004	CĐĐCN2201	Nam	**CĐN KT&NV**		
26	869	CĐKML220123	Lương Quốc	Anh	13/08/2004	CĐKML2201	Nam	**CĐN KT&NV**		
27	870	CĐKML220073	Đoàn Phương	Đông	02/04/2004	CĐKML2201	Nam	**CĐN KT&NV**		
28										
29										
30										

Danh sách biên chế tiểu đội : 41 Trung đội :14

Trung đội trưởng:

Tiểu đội trưởng : **Phòng ở:** 207+208+209+210 **C8**

STT	mã tt	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Nội dung sửa	số đt cá nhân		chữ ký
1	871	CĐKML220117	Cấn Kim	Giang	20/05/2005	CĐKML2201	Nam	**CĐN KT&NV**	**207 - C8**	
2	872	CĐKML220152	Bùi Trung	Kiên	13/02/2003	CĐKML2201	Nam	**CĐN KT&NV**		
3	873	CĐKML220162	Lê Văn	Long	04/01/2004	CĐKML2201	Nam	**CĐN KT&NV**		
4	874	CĐKML220109	Vy Thế	Lực	16/09/2004	CĐKML2201	Nam	**CĐN KT&NV**		
5	875	CĐKML220023	Vũ Hoàng	Minh	10/08/2003	CĐKML2201	Nam	**CĐN KT&NV**		
6	876	CĐKML220074	Trần Trung	Nghĩa	02/09/2004	CĐKML2201	Nam	**CĐN KT&NV**		
7	877	CĐKML220133	Trần Thế	Quỳnh	05/10/2004	CĐKML2201	Nam	**CĐN KT&NV**		
8	878	CĐKML220010	Quách Minh	Tiến	11/01/2004	CĐKML2201	Nam	**CĐN KT&NV**	**208 - C8**	
9	879	CĐKML220003	Nguyễn Tiến	Thành	18/09/2004	CĐKML2201	Nam	**CĐN KT&NV**		
10	880	CĐKML220107	Lộc Trung	Thuận	02/02/2004	CĐKML2201	Nam	**CĐN KT&NV**		
11	881	CĐKMA220086	Hoàng Hùng	Anh	18/01/2004	CĐKMA2201	Nam	**CĐN KT&NV**		
12	882	CĐKMA220132	Nguyễn Đức	Anh	17/10/2004	CĐKMA2201	Nam	**CĐN KT&NV**		
13	883	CĐKMA220138	Nguyễn Huy	Anh	09/10/2004	CĐKMA2201	Nam	**CĐN KT&NV**		
14	884	CĐKMA220129	Nguyễn Đức	Bình	24/07/2004	CĐKMA2201	Nam	**CĐN KT&NV**		
15	885	CĐKMA220070	Nguyễn Văn	Huân	30/07/2004	CĐKMA2201	Nam	**CĐN KT&NV**	**209 - C8**	
16	886	CĐKMA220007	Ma Công	Hùng	02/05/2004	CĐKMA2201	Nam	**CĐN KT&NV**		
17	887	CĐKMA220113	Nguyễn Văn	Hùng	22/12/2003	CĐKMA2201	Nam	**CĐN KT&NV**		
18	888	CĐKMA220052	Lại Quang	Huy	12/11/2004	CĐKMA2201	Nam	**CĐN KT&NV**		
19	889	CĐKMA220014	Vì Minh	Quang	01/01/2004	CĐKMA2201	Nam	**CĐN KT&NV**		
20	890	CĐKMA220064	Nguyễn Minh	Sơn	08/07/2004	CĐKMA2201	Nam	**CĐN KT&NV**		
21	891	CĐKMA220149	Trần Minh	Sỹ	26/07/2004	CĐKMA2201	Nam	**CĐN KT&NV**		
22	900	CĐMTM220134	Lê Huy	Hoàng	06/10/2004	CĐMTM2201	Nam	**CĐN KT&NV**	**210 - C8**	
23	901	CĐMTM220069	Vi Việt	Hoàng	13/04/2004	CĐMTM2201	Nam	**CĐN KT&NV**		
24	902	CĐMTM220078	Nguyễn Văn	Kiệt	04/07/2004	CĐMTM2201	Nam	**CĐN KT&NV**		
25	907	CĐMTM220051	Hoàng Đình	Quân	05/05/2003	CĐMTM2201	Nam	**CĐN KT&NV**		
26	909	CĐKXD220006	Nguyễn Văn	Hào	28/08/2004	CĐKXD2201	Nam	**CĐN KT&NV**		
27	910	CĐKXD220108	Hà Văn	Minh	26/12/2004	CĐKXD2201	Nam	**CĐN KT&NV**		
28										
29										
30										

Danh sách biên chế tiểu đội : 42 Trung đội :14

Trung đội trưởng:

Tiểu đội trưởng : **Phòng ở:** 211+212 **C8**

STT	mã tt	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Nội dung sửa	số đt cá nhân		chữ ký
1	836	CĐCNT220040	Tạ Mai	Hương	05/11/2004	CĐCNT2201	Nữ	**CĐN KT&NV**		
2	837	CĐCNT220032	Trần Thị Mai	Hương	04/11/2004	CĐCNT2201	Nữ	**CĐN KT&NV**		
3	892	CĐKTD220145	Võ Thị Thu	Hằng	21/10/2004	CĐKTD2201	Nữ	**CĐN KT&NV**		
4	893	CĐKTD220148	Nguyễn Thị	Huyền	20/12/2004	CĐKTD2201	Nữ	**CĐN KT&NV**	**211 - C8**	
5	894	CĐKTD220054	Trần Khánh	Linh	27/04/2003	CĐKTD2201	Nữ	**CĐN KT&NV**		
6	895	CĐKTD220153	Đỗ Trà	My	27/06/2000	CĐKTD2201	Nữ	**CĐN KT&NV**		
7	896	CĐMTM220061	Hoàng Hà	Anh	22/10/2004	CĐMTM2201	Nữ	**CĐN KT&NV**		
8	897	CĐMTM220081	Nguyễn Ngọc	Bích	20/10/2004	CĐMTM2201	Nữ	**CĐN KT&NV**		
9	898	CĐMTM220011	Phùng Thị Tố	Chinh	28/07/2004	CĐMTM2201	Nữ	**CĐN KT&NV**		
10	899	CĐMTM220033	Nguyễn Thị Thu	Hiền	09/09/2004	CĐMTM2201	Nữ	**CĐN KT&NV**		
11	903	CĐMTM220015	Ma Thị Phương	Liên	08/11/2004	CĐMTM2201	Nữ	**CĐN KT&NV**		
12	904	CĐMTM220059	Tống Diệu	Linh	23/11/2004	CĐMTM2201	Nữ	**CĐN KT&NV**	**212 - C8**	
13	905	CĐMTM220116	Hà Thị	Luận	25/09/2004	CĐMTM2201	Nữ	**CĐN KT&NV**		
14	906	CĐKTD220072	Hoàng Thị Thảo	Phương	17/01/2004	CĐMTM2201	Nữ	**CĐN KT&NV**		
15	908	CĐKTD220101	Lý Thị Minh	Thảo	19/05/2004	CĐKTD2201	Nữ	**CĐN KT&NV**		
16										
17										
18										
19										
20										
21										
22										
23										
24										
25										
26										
27										
28										
29										
30										

K291 - ĐH KIỂM SÁT + ĐH ĐÔNG ĐÔ + CĐN KT&NV

TT	G/TíNH	trung đội	tiểu đội	quân số	Số phòng	phòng ở	NHà	Ghi chú
1	Nam ĐHKS 195	B1	a1	64	9	101+102+103	C9	Tổng: 907
2			a2			104+105+106		
3			a3			107+108+109		
4		B2	a4	64	9	110+212+211		
5			a5			210+209+208		
6			a6			207+206+205		
7		B3	a7	65	9	204+203+202		
8			a8			201+301+302		
9			a9			303+304+305		
10	NỮ ĐHKS 214	B4	a10	70	10	307+308+309+310		
11			a11			311+312+412		
12			a12			411+410+409		
13		B5	a13	71	10	408+407+406+405		
14			a14			404+403+402		
15			a15			401+501+502		
16		B6	a16	71	10	503+504+505+506		
17			a17			507+508+509		
18			a18			510+511+512		
19	NAM ĐH Đ.ĐÔ 194	B7	a19	65	9	110+109+108	C7	
20			a20			107+106+105		
21			a21			104+103+102		
22		B8	a22	64	9	101+201+202		
23			a23			203+204+205		
24			a24			206+207+208		
25		B9	a25	64	9	209+210+211		
26			a26			212+312+311		
27			a27			310+309+308		
28	NỮ ĐH Đ.ĐÔ 168	B10	a28	56	8	307+306+305		
29			a29			304+303+302		
30			a30			301+401		
31		B11	a31	56	8	402+403+404		
32			a32			405+406+407		
33			a33			408+409		
34		B12	a34	57	8	410+411+412		
35			a35			512+511+510		
36			a36			509+508		
37	NAM CĐN KT&NV 124	B13	a37	70	10	110+109+108+107	C8	
38			a38			106+105+104		
39			a39			103+102+101		
40		B14	a40	54	10	203+204+205+206		
41			a41			207+208+209+210		
42	NỮ CĐN 15		a42	15		211+212		